

CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH CỐT LÕI CỦA MỸ VÀ MỘT SỐ LIÊN HỆ VỚI VIỆC ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN Ở VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày và phân tích một sáng kiến giáo dục mới của Mỹ – chuẩn chương trình cốt lõi dùng cho nhiều bang trên toàn Liên bang, đặc biệt là những đổi mới trong hệ thống chuẩn chương trình môn Ngữ văn. Từ đó, bài viết nêu một số đề xuất về định hướng đổi mới chương trình môn Ngữ văn. Đó phải là một chương trình tích hợp, lấy học sinh làm trung tâm và chú trọng cả bốn kỹ năng giao tiếp. Khi thiết kế các nội dung đọc, chương trình cần chú ý đến độ phức tạp tăng dần và sự đa dạng của các loại văn bản sao cho nội dung đọc thích hợp với từng lớp học, cấp học.

Từ khóa: chuẩn, chương trình, giáo dục, cốt lõi, ngữ văn, Mỹ, Việt Nam.

ABSTRACT

The American common core state standards and their implications for the reform of the Vietnamese language and Literature curriculum

The aim of this article is to present and analyze the key points of the new American educational initiative – common core state standards which are currently applied to many states across the nation, especially the innovative strategies for English Language Arts. Based on the analysis of this initiative, the article proposes some suggestions to reform the Vietnamese Language and Literature curriculum. This curriculum should be integrated and student-centered. It places an emphasis on all of the language skills. In designing reading contents, the gradually increasing complexity and the diversity of the texts which students have to read should be focused on.

Keywords: standards, curriculum, education, core, literature, America, Vietnam.

1. Giới thiệu chung

Trong một nỗ lực nâng cao chất lượng giáo dục nhằm duy trì vị trí cường quốc của mình, năm 2001 Quốc hội lưỡng đảng của Mỹ đã thông qua đạo luật “No Child Left Behind” (NCLB) (tạm dịch: Không để đứa trẻ nào bị bỏ lại đằng sau) và được Tổng thống Bush ký ban hành vào tháng 1 năm 2002. Đạo luật này

hỗ trợ cho một cuộc cải cách giáo dục dựa trên hệ thống chuẩn do từng bang xây dựng, với quan điểm cho rằng nếu đặt ra những chuẩn mực giáo dục cao và những mục tiêu có thể đo lường được thì có thể nâng cao chất lượng giáo dục. Đạo luật này cũng tạo áp lực để giáo viên và nhà trường có trách nhiệm nhiều hơn đối với học sinh, nhất là con em những gia đình nghèo, những cộng đồng thiểu số. Theo quy định của đạo luật, tất cả các trường công lập ở các bang nhận ngân sách hỗ trợ của Chính phủ Liên bang phải

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, đang giảng dạy tại Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (Hankuk University of Foreign Studies)

áp dụng hằng năm kì thi chuẩn của từng bang để đánh giá mức tiến bộ của học sinh và kết quả giáo dục của từng trường, từng bang. Một ngân sách khổng lồ được dành ra để thực hiện chính sách này. Quốc hội Mỹ nâng ngân sách liên bang cho giáo dục phổ thông từ 42,2 tỉ đô la Mỹ năm 2001 (ngay trước khi đạo luật NCLB được phê chuẩn) lên 55,7 tỉ năm 2004. Tuy được thông qua với sự ủng hộ gần như tuyệt đối từ cả hai đảng ở cả Hạ viện lẫn Thượng viện, được đầu tư với số tiền lớn, được nhiều người Mỹ mong đợi, nhưng đạo luật này cũng bị nhiều người phê phán vì nó khuyến khích dạy học để đáp ứng các kì thi chuẩn, khuyến khích việc thưởng phạt dựa vào thành tích thi cử ở các trường và các bang, từ đó xuất hiện tình trạng nhiều bang tự hạ thấp chuẩn giáo dục của mình để có thành tích cao ở các kì thi chuẩn. Và do các kì thi chuẩn này chỉ tập trung vào Đọc, Viết, Toán, Khoa học, nên từ 2007, khoảng 71% trường giảm tiết các “môn phụ” để tập trung dạy Tiếng Anh và Toán¹.

Đạo luật NCLB gây nhiều thất vọng cho giới chính trị gia, giới lãnh đạo giáo dục, nhà trường và công chúng Mỹ nói chung². Đặc biệt trong thời gian gần đây, thành tích giáo dục phổ thông của Mỹ bị tụt hạng đáng kể so với nhiều nước phát triển khác, thể hiện rõ nét nhất qua các kì thi PISA³ (xem thêm OECD 2011).

Nước Mỹ cần có sáng kiến mới. Trong bối cảnh đó, chuẩn chương trình cốt lõi chung các bang của Mỹ (Common Core State Standards, gọi tắt là “hệ thống chuẩn”) ra đời.

Dưới đây là những nội dung cơ bản về hệ thống chuẩn được giới thiệu trên

website của các tổ chức chủ trì⁴ và những thảo luận, phân tích, đánh giá của nhiều chuyên gia Mỹ được tập hợp từ nhiều nguồn khác⁵. Sau phần một giới thiệu chung về hệ thống chuẩn, phần thứ hai dành nói cụ thể hơn những ý tưởng lớn của hệ thống chuẩn liên quan đến môn Ngữ văn. Phần thứ ba là những phân tích của chúng tôi: từ những sáng kiến giáo dục đang được triển khai rộng rãi tại Mỹ, suy nghĩ về hướng đổi mới chương trình môn Ngữ văn của Việt Nam trong bối cảnh chúng ta đang nỗ lực đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục.

Hệ thống chuẩn là sáng kiến do lãnh đạo chính quyền và ngành giáo dục các bang của Mỹ chủ trì thông qua các tổ chức đại diện của họ (Hiệp hội các Thống đốc – National Governors Association (NGA) và Hội đồng lãnh đạo giáo dục của các bang – The Council of Chief State School Officers (CCSSO)). Tham gia soạn thảo có các nhà giáo dục, các chuyên gia, nhà nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực, các tổ chức quốc gia và các nhóm cộng đồng. Văn bản chính thức được hoàn tất vào tháng 6 năm 2010 sau hơn ba tháng được công bố để tiếp nhận phản hồi, góp ý từ công chúng, giáo viên, phụ huynh, lãnh đạo doanh nghiệp và các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực. Hệ thống chuẩn này cũng có tham khảo hệ thống chuẩn giáo dục của các bang của Mỹ và của nhiều quốc gia có nền giáo dục phát triển.

Hệ thống chuẩn này được áp dụng từ mẫu giáo đến lớp 12, và chỉ cho hai môn học là Ngữ văn (English – Language Arts) và Toán, vì các nhà chính trị cũng như các lãnh đạo giáo dục, các chuyên

gia và cộng đồng nói chung cho rằng hai môn học này đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng thiết yếu để học đại học và đi làm, đồng thời hai môn này cũng giúp học sinh học tốt các môn khác. Hiện nay đã có nhiều trường ở nhiều bang áp dụng thí điểm hệ thống chuẩn này vào giảng dạy trong lớp học. Theo kế hoạch, Mĩ sẽ xây dựng cách thức đánh giá (thi, kiểm tra) tương ứng với hệ thống chuẩn và sẽ áp dụng chính thức từ năm học 2014 – 2015. Mĩ cũng đặt kế hoạch xem xét lại theo định kì để không ngừng hoàn thiện hệ thống chuẩn này.

Như nhiều người đã biết, ở Mĩ, mỗi bang quản lý hệ thống giáo dục riêng của mình. Chính phủ Liên bang không có quyền và trách nhiệm quản lý hoạt động giáo dục của các bang. Cho đến gần đây, mỗi bang đều có một hệ thống chuẩn giáo dục riêng. Kết quả là học sinh ở các bang khác nhau học những nội dung rất khác nhau. Hệ thống chuẩn chung này là một cố gắng nhằm “thống nhất” một số giá trị giáo dục cốt lõi giữa các bang của Mĩ. Lần đầu tiên trong lịch sử của đất nước này có một sáng kiến dạng như vậy. Tuy nhiên, hệ thống chuẩn chung này không nhằm đến mục tiêu biến giáo dục thành lĩnh vực quản lý của Chính phủ Liên bang. Các bang hoàn toàn có quyền quyết định áp dụng hay không hệ thống chuẩn giáo dục chung này. Nói cách khác, đây là nỗ lực của nhiều bang hợp lại, chứ không phải là của Chính phủ Liên bang. Trong một tuyên bố ủng hộ hệ thống chuẩn chung nhằm tiến tới thay thế đạo luật NCLB, Tổng thống Obama cũng nói

rõ đó không phải là sản phẩm của Washington (ý nói không phải của Chính phủ Liên bang) mà là sản phẩm của thống đốc các bang từ cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa⁶. Như vậy, sáng kiến này rất khác với đạo luật NCLB (một sản phẩm liên bang). Hệ thống chuẩn này hiện có 45 bang, Washington DC. và bốn vùng lãnh thổ trực thuộc của Mĩ đồng ý áp dụng, trừ Texas, Virginia, Nebraska, Minnesota và Alaska.

Sứ mạng của hệ thống chuẩn chung này là cung cấp một cách hiểu rõ ràng và nhất quán về những gì học sinh ở từng cấp, từng lớp cần phải học, nhờ đó mà giáo viên và phụ huynh có thể biết được họ cần làm gì để giúp học sinh. Các chuẩn được xây dựng có tính chất thiết thực và gắn liền với cuộc sống thực tế, thể hiện được các kiến thức và kỹ năng mà giới trẻ cần khi học đại học và ra đời làm việc.

Người Mĩ muốn nâng cao tính công bằng trong giáo dục bằng việc bảo đảm rằng tất cả học sinh của họ dù sống ở đâu cũng được giáo dục bằng những chuẩn kiến thức và kỹ năng cốt lõi như nhau. Hệ thống chuẩn chung này cho phép giáo dục Mĩ đúc rút được những kinh nghiệm tốt nhất từ tất cả các bang cũng như của nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của học sinh. Với hệ thống chuẩn giáo dục chung này, người Mĩ hi vọng sẽ đào tạo được những công dân có khả năng vừa hợp tác, vừa cạnh tranh thành công với các đối tác ngay trong chính nước Mĩ và trên toàn thế giới.

Hệ thống chuẩn này không chỉ rõ

giáo viên phải dạy như thế nào, mà giúp giáo viên biết được những kiến thức, kỹ năng nào học sinh cần phải có để giáo viên có thể tự soạn bài giảng, sắp xếp kế hoạch dạy học và xây dựng môi trường học tập thích hợp cho học sinh của từng lớp học. Các chuẩn này cũng giúp học sinh và phụ huynh xác định được những mục tiêu rõ ràng và thực tế để đạt được thành công. Tuy nhiên, hệ thống chuẩn này không phải là cái duy nhất có thể bảo đảm cho học sinh được thành công trong tương lai, mà nó chỉ cung cấp một lộ trình để giáo viên, phụ huynh và học sinh có thể tiếp cận dần đến mục tiêu.

Kèm theo hệ thống chuẩn chung này, các bang cũng sẽ tổ chức xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa, các tài liệu kỹ thuật số và những tài liệu dạy học khác tương thích với hệ thống chuẩn chung. Các bang cũng sẽ thiết kế và thực hiện hệ thống đánh giá chung nhằm đánh giá học sinh hằng năm thay cho hệ thống đánh giá hiện nay. Hệ thống đánh giá này dựa trên các nguyên tắc: có thể dùng để so sánh kết quả học tập của học sinh, kết quả hoạt động giáo dục của các trường, các học khu, các bang và của các quốc gia với nhau; giảm chi phí nhờ chia sẻ được nguồn lực; cung cấp thông tin giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc dạy và học; chuẩn bị cho học sinh vào học đại học và đi làm.

Như cách làm thường thấy của người Mỹ, hệ thống chuẩn chung này được xây dựng dựa trên cơ sở nhiều nghiên cứu và khảo sát thực nghiệm, cụ thể là: các nghiên cứu lý thuyết; kết quả khảo sát các kỹ năng mà học sinh phổ thông cần phải có để học đại học và đi

làm; dữ liệu về đánh giá kết quả học tập của học sinh; nghiên cứu so sánh với chuẩn chương trình các bang của Mỹ và của những quốc gia khác có nền giáo dục phát triển; khung đánh giá của quốc gia về đọc và viết dùng cho môn Ngữ văn; nghiên cứu về các xu hướng chương trình dạy học Toán học và Khoa học trên thế giới.

Những tiêu chuẩn sau đây được lấy làm căn cứ khi xây dựng hệ thống chuẩn: (i) tương thích với những đòi hỏi đối với học sinh khi vào học đại học và đi làm; (ii) rõ ràng; (iii) nhất quán giữa các bang; (iv) bao gồm các nội dung kiến thức và sự vận dụng thông qua những kỹ năng được yêu cầu ở trình độ cao; (v) phát triển dựa trên chuẩn chương trình các bang của Mỹ và của những quốc gia khác có nền giáo dục phát triển; (vi) có cơ sở thực tế, có thể áp dụng hiệu quả trong lớp học; (vii) dựa trên cơ sở nghiên cứu và dựa trên bằng chứng.

Hệ thống chuẩn chung này chú ý kết hợp nội dung kiến thức và kỹ năng, chứ không phải chỉ có kỹ năng. Về Toán, hệ thống chuẩn xuất phát từ những khái niệm căn bản như số nguyên, các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, phân số và các số thập phân. Các yếu tố căn bản này giúp học sinh có khả năng học và ứng dụng những khái niệm toán học cao hơn. Hệ thống chuẩn dành cho bậc trung học yêu cầu học sinh thực hành ứng dụng tư duy toán học vào những vấn đề và thách thức trong đời sống thực. Nó giúp cho học sinh rèn luyện năng lực tư duy và suy luận chính xác, chặt chẽ. Theo tinh thần của hệ thống chuẩn, trong giờ học Toán, học sinh không chỉ phải tìm ra đáp số

đúng mà còn phải giao tiếp: nói, nghe và trình bày lập luận, chia sẻ các ý tưởng⁷.

Hệ thống chuẩn môn Ngữ văn yêu cầu tất cả học sinh học những nội dung quan trọng như: các truyền thuyết và truyện cổ điển trên thế giới, các văn bản giai đoạn lập quốc của Mĩ, những tác phẩm quan trọng của văn học Mĩ và Shakespeare. Các nội dung còn lại do các bang và địa phương quyết định. Ngoài ra, hệ thống chuẩn cũng yêu cầu học sinh nắm vững một cách hệ thống kiến thức về văn học và các môn học khác thông qua đọc, viết, nói, nghe. Đọc, viết, nói và nghe không chỉ được học trong môn Ngữ văn mà còn phải được chú ý luyện tập trong khi học các môn học khác như Lịch sử/Xã hội, Khoa học, Công nghệ. Như vậy, giáo viên các môn học như Lịch sử/Xã hội, Khoa học, Công nghệ không chỉ dạy các kiến thức môn học mà còn phải có trách nhiệm rèn luyện cho học sinh đọc, viết, nghe, nói để kiến tạo tri thức trong những lĩnh vực đó. Như đã nói, ngay cả trong giờ học Toán, học sinh cũng được khuyến khích nói và nghe.

2. Một số thay đổi quan trọng về lĩnh vực Ngữ văn trong hệ thống chuẩn

Khi thiết kế hệ thống chuẩn của môn Ngữ văn, các tác giả tập trung vào những ý tưởng căn bản sau:

(i) Tăng độ phức tạp của các văn bản đọc, mức độ phức tạp tăng dần qua từng lớp và cấp học, giúp học sinh nâng cao hơn nữa năng lực đọc.

(ii) Chú ý cả tác phẩm văn học và văn bản thông tin (gồm có cả văn bản trần thuật, kể (narration) hay thể hiện, trình bày, bình luận (exposition), có những văn

bản pha trộn; đó có thể là bài viết hay bài phát biểu, nói chuyện, văn bản tiểu sử, bài báo, văn bản lịch sử, khoa học dành cho đại chúng), tỉ lệ các văn bản thông tin được tăng dần qua các cấp học.

(iii) Giúp học sinh tự đọc kỹ văn bản, chú ý nhiều hơn đến khả năng phân tích, suy luận, đưa được các bằng chứng, bằng chứng và bằng chứng (evidence) trong các văn bản được đọc làm cơ sở cho các nhận định, phân tích, giáo viên chỉ đóng vai trò dẫn dắt, nêu vấn đề để trao đổi, tranh luận.

Giáo viên có thể gợi ý các chi tiết trong văn bản để giúp học sinh củng cố các lập luận và phân tích của mình. Học sinh cần phải có khả năng phân tích và tổng hợp văn bản; trình bày cẩn thận các phân tích, bảo vệ một cách thuyết phục quan điểm của mình, trình bày rõ các thông tin.

(iv) Tăng cường học viết qua các bài nghiên cứu nhỏ, qua “dự án” (bài tập lớn) (cách học này áp dụng cho cả học sinh tiểu học).

(v) Chú ý đến sự thành thạo cả kĩ năng viết và nói.

(vi) Chú ý trang bị vốn từ học thuật (academic vocabulary) ở tất cả các lĩnh vực khoa học cho học sinh (dạy đọc và viết theo cách tích hợp liên môn).

Nói về việc dạy học các kĩ năng, David Coleman (thành viên nhóm xây dựng hệ thống chuẩn môn Ngữ văn – English Language Arts) cho rằng học sinh phải đọc văn bản như các **thám tử** và viết các văn bản như các **phóng viên điều tra**⁸. Nghĩa là khi đọc, phải tìm kĩ các bằng chứng, sẫm soi các chi tiết,

dùng nó để giải quyết vấn đề và hiểu đầy đủ hơn thế giới xung quanh; khi viết, phải viết rõ ràng, có bằng chứng, lập luận, phân tích.

- **Về kỹ năng đọc**

Nói đến đọc thì có “phạm vi đọc” và “mức độ phức tạp của văn bản đọc”. Các văn bản đọc, như đã nói ở trên, vừa có tác phẩm văn học, vừa có văn bản thông tin. Các văn bản được xếp theo độ phức tạp tăng dần qua các lớp học, cấp học. Độ phức tạp dựa vào ba tiêu chí (quan trọng như nhau):

(i) Lượng (tần số từ, độ dài câu, độ dài từ, độ dài văn bản, liên kết văn bản);

(ii) Chất (các tầng nghĩa, các tầng mục đích, cấu trúc văn bản, các quy tắc ngôn ngữ, mức độ rõ ràng, yêu cầu những kiến thức cần phải có để đọc văn bản);

(iii) Người đọc (động cơ, tri thức và kinh nghiệm của người đọc, mục đích đọc, độ phức tạp của câu hỏi, của yêu cầu đối với học sinh).

Dựa trên ba tiêu chí trên, hệ thống chuẩn xây dựng các nấc thang, tăng dần độ khó của văn bản đọc để giúp học sinh vừa phát triển được các kỹ năng, vừa ứng dụng các kỹ năng đó vào việc đọc các văn bản phức tạp hơn. Chẳng hạn, hệ thống chuẩn đề nghị một văn bản như “Grapes of Wrath”, phù hợp với trình độ đọc của học sinh lớp 9 và lớp 10. Hệ thống chuẩn có một danh sách các tác phẩm làm mẫu, qua đó có thể xác định được độ khó thích hợp với từng lớp học và tương thích với yêu cầu dạy học được đặt ra trong chuẩn. Hệ thống chuẩn cũng có danh sách các văn bản tham khảo (xem thêm Phụ lục B)⁹, nhưng giáo viên có thể tự quyết định các văn bản được dùng dạy học để đáp

ứng yêu cầu của hệ thống chuẩn.

Theo kết quả nghiên cứu của nhóm soạn thảo thì học sinh Mỹ hiện nay đang học đọc những văn bản có độ khó thấp hơn so với yêu cầu khi học đại học và khi đi làm việc. Hệ thống chuẩn chung này cố gắng khắc phục khoảng cách đó.

- **Về kỹ năng viết**

Dùng lập luận để củng cố các nhận định, các luận điểm trong văn bản, dùng các bằng chứng cần yếu và đầy đủ. Phải viết một cách logic dựa trên các nhận định, lập luận vững chắc và các bằng chứng quan yếu. Khi phải xem xét các quan điểm khác nhau về cùng một chủ đề hay vấn đề, đôi khi đòi hỏi những kiến thức và kinh nghiệm vượt quá kiến thức và kinh nghiệm vốn có của học sinh thì các em phải có khả năng: suy nghĩ sâu sắc và có đầu óc phê phán (critical thinking), tự đánh giá được tính xác đáng, đúng đắn của tư duy của chính các em; tiên lượng được ý kiến phản biện lại mình. Học sinh phải biết sắp xếp các ý tưởng để lập luận một cách hiệu quả.

Viết bài nghiên cứu giúp học sinh nâng cao năng lực đọc, có khả năng đọc những văn bản phức tạp hơn, phát triển năng lực đọc viết các văn bản phi hư cấu. Học sinh phải dùng nhiều phương tiện công nghệ (Google, Facebook, v.v.) để tiến hành nghiên cứu, công bố và hợp tác trao đổi với người khác. Các bài nghiên cứu có hai loại: loại bài tập, dự án phải chuẩn bị trong thời gian ngắn (giống với những công việc thường phải làm khi đi làm việc) và loại bài nghiên cứu phải chuẩn bị lâu hơn và sâu hơn¹⁰.

- **Về kỹ năng nói và nghe**

Phải phát triển kỹ năng trình bày,

thuyết trình và nghe. Hệ thống chuẩn yêu cầu học sinh phải có khả năng nắm bắt, đánh giá và trình bày các thông tin, ý tưởng, bằng chứng với độ phức tạp tăng dần thông qua hoạt động nghe và nói cũng như thông qua các phương tiện truyền thông.

Điểm nhấn quan trọng của hệ thống chuẩn là những thảo luận mang tính học thuật dưới hình thức từng đôi học sinh, từng nhóm nhỏ học sinh và cả lớp. Việc trình bày, thuyết trình đóng vai trò quan trọng, nhưng những thảo luận như vậy cũng quan trọng không kém để giúp học sinh phát triển khả năng hợp tác để trả lời các câu hỏi, kiến tạo tri thức và cùng nhau giải quyết vấn đề.

- Về ngôn ngữ

Hệ thống chuẩn yêu cầu học sinh phát triển vốn từ, nhất là vốn từ học thuật, thông qua đàm thoại, qua sự giảng giải trực tiếp của giáo viên và qua việc đọc. Hệ thống chuẩn yêu cầu học sinh phải hiểu nghĩa của từ, cảm nhận được sự khác biệt về sắc thái của từ, từng bước mở rộng vốn từ. Vốn từ và kiến thức về cách dùng ngôn ngữ được trình bày ở một phần riêng, nhưng học sinh không học những kiến thức ấy một cách tách biệt mà thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe (xem thêm [2]).

Các kĩ năng được thiết kế thành những phần riêng, nhưng trong thực tế dạy học thì các kĩ năng ấy phải được tích hợp với nhau. Chẳng hạn, chuẩn yêu cầu học sinh viết về những gì mà các em đọc được; nói, nghe, trao đổi với nhau về những gì mà các em phát hiện được từ các bài tập nghiên cứu.

- Để áp dụng hệ thống chuẩn môn Ngữ văn trong lớp học, các nhà chuyên môn xác định các nguyên tắc dạy học sau đây¹¹:

(i) Coi việc đọc hiểu văn bản là trung tâm của bài học.

(ii) Thiết kế hoạt động giảng dạy sao cho có thể giúp học sinh đọc các văn bản theo mức độ phức tạp dần qua từng lớp, từng cấp học.

(iii) Chú ý dạy học các văn bản thông tin ngay từ những lớp dưới.

(iv) Không thay thế việc đọc văn bản bằng giảng giải, không đọc hộ học sinh.

(v) Hỏi những câu hỏi bám sát vào văn bản.

(vi) Tạo cơ hội cho học sinh nghiên cứu, làm các bài tập lớn (viết có nhận định và bằng chứng)

(vii) Thường xuyên tạo cơ hội cho học sinh trao đổi, chia sẻ các ý tưởng, bằng chứng và kết quả nghiên cứu, tạo cơ hội cho các em nói về những phát hiện của mình.

(viii) Giảng dạy một cách hệ thống vốn từ cho học sinh.

(ix) Giải thích hiểu ngôn các quy tắc ngữ pháp và những quy ước khi viết.

(x) Giáo dục tính tự lập, khả năng làm việc độc lập cho học sinh. Giúp các em nhận thức được trách nhiệm học tập của chính mình.

3. Một số liên hệ với việc đổi mới chương trình Ngữ văn ở Việt Nam

(i) Mỗi khi vị thế của nước Mỹ trên trường quốc tế bị lung lay, người Mỹ, trước hết là chính phủ, bao giờ cũng nhìn lại nền giáo dục của mình. Và những đổi mới giáo dục của họ bao giờ cũng được

đặt nền móng trên những kết quả nghiên cứu, khảo sát nghiêm túc, công phu. Hệ thống chuẩn này cũng được xây dựng trên những cơ sở lí thuyết và nhiều dữ liệu thống kê, điều tra, khảo sát. Đặc biệt, hệ thống chuẩn này không chỉ tham khảo, kế thừa chuẩn giáo dục các bang của Mỹ mà còn cập nhật thành tựu, kinh nghiệm về xây dựng chuẩn chương trình của nhiều nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Nước Mỹ có đội ngũ chuyên gia hùng mạnh, nhưng cũng học hỏi kinh nghiệm quốc tế.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục của Việt Nam, vốn bị tách biệt quá lâu với những thành tựu giáo dục trên thế giới, nghiên cứu giáo dục chưa phát triển đủ mạnh để dẫn đường cho đổi mới giáo dục, việc tham khảo kinh nghiệm giáo dục quốc tế, đặc biệt là kinh nghiệm về xây dựng chương trình để nắm bắt được tinh thần của nền giáo dục hiện đại là vấn đề sống còn và cấp bách.

(ii) Tuy là một quốc gia có truyền thống phân quyền mạnh, nhưng Mỹ vẫn khuyến khích việc xây dựng những chuẩn giáo dục chung cho toàn liên bang. Trong hệ thống chuẩn chung đó cũng có quy định những loại văn bản nhất thiết phải được dạy và học. Động thái này cho thấy dù một nền giáo dục có đa dạng đến đâu thì vẫn cần phải có những chuẩn kiến thức và kĩ năng cốt lõi được cả quốc gia chia sẻ, miễn là việc chấp nhận những giá trị cốt lõi chung đó không làm hạn chế quyền tự chủ và sáng tạo của địa phương, nhà trường và giáo viên.

Hệ thống chuẩn của Mỹ có một số phụ lục, chẳng hạn phụ lục các văn bản mẫu để xác định độ khó của văn bản

thích hợp với từng lớp học, phụ lục các tác phẩm văn học, văn bản được dùng như những thông tin tham khảo vừa giúp địa phương, nhà trường và giáo viên có định hướng lựa chọn văn bản để giảng dạy vừa tạo một không gian tự do cho họ có những quyết định riêng.

Khác với Mỹ, nền giáo dục Việt Nam có truyền thống tập quyền. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục sẽ giúp tháo gỡ những điểm “nghẽn mạch” do tính chất tập quyền tạo ra. Tuy vậy, việc giữ cân bằng giữa sự phân cấp và giao quyền tự chủ để tạo không gian cho sự năng động, sáng tạo với việc duy trì những giá trị giáo dục cốt lõi, thống nhất của quốc gia vẫn là một vấn đề có tính nguyên tắc. Chương trình Ngữ văn sau năm 2015 cần có tính chất mở để có thể biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa. Cần trao cho các tác giả sách giáo khoa quyền lựa chọn tác phẩm văn học và văn bản. Ngoài ra, nên dành một tỉ lệ thích hợp các tác phẩm văn học, văn bản do giáo viên và học sinh lựa chọn [3], [4], [5]. Tuy nhiên, mặc dù không cần nêu tác phẩm cụ thể, nhưng chương trình vẫn cần quy định một tỉ lệ thích hợp các loại văn bản, tác phẩm có tính “cổ điển” như ca dao, truyện cổ và một số tác phẩm của các nhà văn hóa lớn của dân tộc. Đổi mới chương trình để nền giáo dục đào tạo được những công dân có khả năng hội nhập thế giới, nhưng đó cũng phải là những người hiểu được di sản văn hóa của dân tộc mình.

Để tạo được nguồn tác phẩm văn học phong phú, phù hợp với học sinh Việt Nam, việc đổi mới dạy học môn Ngữ văn rất cần sự đóng góp của các nhà

văn Việt Nam. Những tác phẩm đã xuất bản lâu nay của những nhà văn như Nguyễn Nhật Ánh, Tạ Duy Anh... cùng với những sáng tác sắp tới sẽ là nguồn tác phẩm để cho các nhóm tác giả sách giáo khoa, nhà trường, giáo viên, học sinh lựa chọn. Các nhà văn cũng sẽ có đóng góp rất lớn trong việc giới thiệu cho các tác giả sách giáo khoa, giáo viên những tác phẩm văn học phù hợp¹². Để học sinh học tốt môn Ngữ văn không thể không có nguồn văn bản có chất lượng cao và phù hợp với đối tượng.

Việc cho học sinh được lựa chọn một cuốn sách nào đó mà các em đang đọc để viết và trình bày trước lớp cũng là một hướng nên khích lệ. Chắc sẽ có người lo ngại hiện tượng lệch lạc. Nhưng chính việc để cho các em được nói về những gì mà mình đang quan tâm sẽ giúp thầy cô và nhà trường hiểu các em hơn. Nhờ đó mà có hình thức giáo dục thích hợp, kịp thời phát hiện, uốn nắn những hiện tượng tiêu cực. Nếu tất cả quá trình giáo dục đều là sự áp đặt từ bên ngoài, không động chạm đến được suy nghĩ, cảm xúc của thanh thiếu niên thì giáo dục sẽ chỉ đi qua bên lề cuộc đời của các em và các em cũng lớn lên mà thiếu sự dẫn dắt [6]. Nhiều hiện tượng xảy ra trong giới trẻ gần đây cho thấy nền giáo dục của Việt Nam có vẻ đang lâm vào tình trạng đáng buồn như vậy.

(iii) Việc hệ thống chuẩn tập trung cải cách ở hai môn học Ngữ văn và Toán cho thấy tầm quan trọng của năng lực giao tiếp và năng lực tư duy chính xác, chặt chẽ trong việc đào tạo nên những công dân của thế kỉ XXI. Tuy vậy, nội dung

kiến thức trong những lĩnh vực hữu quan cũng không bị xem nhẹ. Đọc, viết, nói và nghe được xác định là xương sống của chương trình môn Ngữ văn, nhưng thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn cũng giúp học sinh kiến tạo được tri thức về văn học và ngôn ngữ (xem thêm Moffett & Wagner 1992).

(iv) Hệ thống chuẩn của Mĩ yêu cầu nhà trường phải dạy cho học sinh biết cách “đọc văn bản như các thám tử và viết văn bản như các phóng viên điều tra”. Đề cao bằng chứng, suy luận và lập luận trong khi đọc và viết phải được coi là một nguyên lí nền tảng trong dạy học Ngữ văn. Đọc hiểu theo gợi ý của sách giáo khoa; viết theo văn mẫu, khi không có mẫu thì sa vào dài dòng, lan man, thiếu định hướng và lập luận là những điểm yếu kém căn bản của nhiều học sinh Việt Nam. Vì vậy, cần tránh tình trạng thay đổi cực đoan từ chỗ áp đặt cách hiểu của sách giáo khoa cho học sinh sang xu hướng cổ vũ cho lối đọc tùy tiện. Mỗi học sinh có quyền đọc hiểu theo kinh nghiệm, cảm xúc của mình, nhưng nhất thiết phải dựa trên các chi tiết, bằng chứng trong văn bản. Bản thân các giáo viên Ngữ văn, sản phẩm của cách dạy học Ngữ văn lâu nay, cũng phải tự nỗ lực rất nhiều để “gột rửa” chính mình, vượt lên chính mình để dạy cho học sinh đọc văn bản theo cách như vậy.

Tuy chương trình vừa qua đã có đổi mới bằng việc chú ý cả các văn bản phi hư cấu, nhưng cho đến nay, trong quan niệm chung, học Ngữ văn là học các tác phẩm văn học. Phải thay đổi sâu sắc quan niệm này. Có như vậy thì việc đánh giá

năng lực Ngữ văn mới gắn với việc đánh giá năng lực học đại học và làm việc của học sinh. Nếu chỉ xoay quanh những tác phẩm văn học nổi tiếng kiểu như của Xuân Diệu, Huy Cận, Xuân Quỳnh thì môn Ngữ văn không thiết yếu đối với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực đến mức nhiều quốc gia phải tìm cách đổi mới một cách cấp bách như hiện nay. Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa là xem nhẹ chức năng giáo dục thẩm mỹ, phẩm chất người và tính nhân văn của môn học này. Vấn đề là phải hiểu rằng đó mới chỉ là “một nửa” sứ mạng của môn Ngữ văn.

(v) Chương trình Ngữ văn sau năm 2015 phải cân nhắc kỹ khả năng và nhu cầu tiếp thu của học sinh và yêu cầu giáo dục của từng cấp học, lớp học để có định hướng cho tác giả sách giáo khoa sắp xếp các văn bản hợp lý theo độ phức tạp (độ khó) tăng dần (về cả định lượng lẫn định tính). Việc đưa một số văn bản làm mẫu để giúp tác giả sách giáo khoa hình dung độ khó của văn bản thích hợp đối với từng lớp như cách làm của hệ thống chuẩn là cần thiết, nhất là khi Việt Nam lần đầu tiên thiết kế chương trình và biên soạn sách giáo khoa theo định hướng hình thành năng lực, chứ không lấy mục tiêu trang bị kiến thức làm chủ đạo. Chương trình Ngữ văn (trung học) lâu nay do bị chi phối bởi logic của lịch sử văn học, gần đây chú trọng tiêu chí thể loại (trung học cơ sở), nên việc sắp xếp

văn bản không chú ý nhiều đến tiêu chí quan trọng đó, vì vậy có tình trạng khá phổ biến là học sinh lớp thấp hơn lại phải học những văn bản phức tạp hơn. Chẳng hạn các lớp trung học cơ sở phải học rất nhiều các văn bản trung đại, nội dung cách biệt xa với cuộc sống hiện tại, ngôn ngữ phức tạp, trong khi đó thì các lớp trung học phổ thông thì có cơ hội học các văn bản hiện đại nhiều hơn [1]. Có thể coi đó là biểu hiện của một chương trình giáo dục áp đặt kiểu truyền thống, vì logic của chương trình không căn cứ vào kinh nghiệm của người học mà hoàn toàn dựa vào một cái gì đó bên ngoài. [6]

(vi) Việc rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nghe, nói của học sinh ở Việt Nam lâu nay chỉ được coi là trách nhiệm của các giáo viên Ngữ văn. Chương trình của Việt Nam sắp đến cần trao thêm trách nhiệm này cho giáo viên các bộ môn khác như Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Khoa học. Chính qua việc rèn luyện đọc, viết, nghe, nói, giáo viên những bộ môn nói trên sẽ giúp học sinh nắm tốt hơn những kiến thức khoa học hữu quan. Và kéo theo đó là yêu cầu trong chương trình đào tạo giáo viên các bộ môn đều phải có môn dạy tiếng mẹ đẻ trong học thuật và môn đào tạo giáo viên dạy đọc, viết, nghe, nói trong lĩnh vực bộ môn của mình, điều mà chương trình đào tạo giáo viên của Mỹ đã làm từ lâu.

¹ http://en.wikipedia.org/wiki/No_Child_Left_Behind_Act

² <http://www.nytimes.com/2012/07/06/education/no-child-left-behind-whittled-down-under-obama.html?pagewanted=all&r=0>

³ http://en.wikipedia.org/wiki/Programme_for_International_Student_Assessment

⁴ <http://www.corestandards.org>

⁵ Gần đây nhất (cuối năm 2012) có một hội thảo quốc gia của Mỹ về cải cách giáo dục trong đó có phiên thảo luận bàn về vấn đề này, xin xem: <http://www.youtube.com/watch?v=RocqdyCbKz4>

⁶ <http://www.youtube.com/watch?v=G3umcpt3YmM>

⁷ <http://www.youtube.com/watch?v=SC4OG11zOC8>

⁸ <http://www.youtube.com/watch?v=JDzTOyxRGLI>

⁹ http://www.corestandards.org/assets/Appendix_B.pdf

¹⁰ http://www.corestandards.org/assets/Appendix_B.pdf

¹¹ <http://www.youtube.com/watch?v=B7bvM5N5YE8>

¹² Mấy ngày gần đây, báo chí đưa tin Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội Nhà văn cam kết hợp tác để cùng đổi mới dạy học Ngữ văn trong nhà trường. Theo chúng tôi, đó là một động thái cần thiết. Nhưng Hội Nhà văn cần đóng vai trò như thế nào cho phù hợp thì chúng tôi sẽ trình bày vào dịp khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Bùi Mạnh Hùng (2012), “Một cách tiếp cận mới trong việc dạy học ngữ pháp tiếng Việt ở trường phổ thông”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, (7).
3. Bùi Mạnh Hùng (2013), “Về định hướng đổi mới chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức*, Huế.
4. Đỗ Ngọc Thống (2013), “Dạy học Ngữ văn trong nhà trường Việt Nam – hiện trạng, hướng phát triển và những vấn đề liên quan”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức*, Huế.
5. Nguyễn Minh Thuyết (2013), “Một số vấn đề về đánh giá chương trình, sách giáo khoa hiện hành và đề xuất định hướng biên soạn chương trình, sách giáo khoa mới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức*, Huế.
6. Dewey, J. (1938), *Experience and Education*, New York: Kappa Delta Pi (bản dịch tiếng Việt của Phạm Anh Tuấn, Tủ sách Phát triển Giáo dục của Viện IRED, năm 2011).
7. Moffett, J., Wagner B. (1992), *Student-centered Language Arts, K-12*, Portsmouth, NH: Heinemann.
8. OECD (2011), *Lessons from PISA for the United States, Strong Performers and Successful Reformers in Education*, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264096660-en>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-01-2013; ngày phân biện đánh giá: 30-3-2013;
ngày chấp nhận đăng: 10-4-2013)